

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH MIỆN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2020/HS-ST**

Ngày: 17-3-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Đức Chính.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đào Đình Phúc

Ông Nguyễn Ngọc Nghiêm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đào Quang Khuyển - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Xue - Kiểm sát viên.

Ngày 17/3/2020 tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 20/2020/TLST-HS ngày 25/02/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HS ngày 05/3/2020, đối với các bị cáo:

**1. Vũ Kim T**, sinh ngày 11/12/1985, tại Hải Dương; nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Kim C và bà Trương Thị T; có vợ và có 02 con (con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2020); tiền án: Không; tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 111 ngày 13/9/2019, Công an huyện Thanh Miện phạt 3.250.000 đồng về hành vi “xâm hại sức khỏe người khác” và “dùng gạch đá ném vào nhà người khác” (thi hành ngày 19/9/2019); bị tạm giữ 03 ngày (từ 21 giờ 00 phút ngày 08/01/2020 đến 21 giờ 00 phút ngày 11/01/2020), đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**2. Bùi Văn C**, sinh ngày 27/4/1988, tại Hải Dương; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị N; có vợ và có 02 con (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2019); tiền án: Không; tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 114 ngày 13/9/2019, Công an huyện Thanh Miện phạt 2.500.000 đồng về hành vi “xâm hại sức khỏe người khác” (thi hành ngày 19/9/2019); bị tạm giữ 03 ngày (từ 21 giờ 00 phút ngày 08/01/2020 đến 21 giờ 00 phút ngày 11/01/2020), đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Phạm Văn N, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

*Người làm chứng:*

1. Ông Phạm Văn H;

2. Bà Phạm Thị C.

## NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vũ Kim T và Bùi Văn C góp tiền với nhau để kinh doanh tài chính với hình thức cho vay lãi tại thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Ngày 10/12/2018, anh Phạm Văn N vay của T và C số tiền 50.000.000 đồng, mức lãi suất 6.000 đồng/1 triệu/1 ngày. T trực tiếp giao tiền, yêu cầu anh N viết giấy biên nhận vay tiền mặt, đồng thời thu ngay tiền lãi của 10 ngày đầu là 3.000.000 đồng, trừ vào tiền gốc, nên chỉ đưa cho anh N 47.000.000 đồng. Từ ngày 10/12/2018 đến ngày 10/02/2019, anh N đã trả cho T và C số tiền lãi là 18.000.000 đồng. Ngày 10/02/2019, anh N vay thêm của T, C số tiền 20.000.000 đồng. T và C yêu cầu anh N trả lãi suất với mức 4.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày trên số tiền gốc 70.000.000 đồng. Từ ngày 10/3/2019 đến ngày 10/5/2019, anh N đã trả cho T, C số tiền lãi là 25.200.000 đồng. Từ tháng 6/2019 đến tháng 11/2019 anh N không trả được tiền lãi. Ngày 10/11/2019, anh N đã trả cho T và C số tiền gốc là 45.000.000 đồng. Ngày 08/01/2020, T và C đến nhà anh N đòi số tiền anh N còn nợ theo thỏa thuận gồm tiền lãi từ tháng 6/2019 đến ngày 08/01/2020 là 56.000.000 đồng, nhưng chỉ lấy tròn 50.000.000 đồng và số nợ gốc là 25.000.000 đồng; anh N đã trả T, C số tiền 75.000.000 đồng. T nhận tiền, trả anh N giấy biên nhận vay nợ, ghi vào sổ của anh N với nội dung đã nhận 70 triệu tiền gốc và tiền lãi, thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Miện bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Từ tháng 12/2018 đến tháng 02/2019, số tiền gốc là 50.000.000 đồng, mức lãi suất 6.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày thì 1 tháng anh N phải trả 180.000 đồng/1 triệu, 1 năm phải trả 2.160.000 đồng. Như vậy lãi suất cho vay là  $(2.160.000 \text{ đồng} / 1.000.000 \text{ đồng} \times 100\%) = 216\%$  của khoản vay. Mức lãi suất vượt quá mức lãi suất tối đa 20%/ năm là  $216/20 = 10,8$  lần. Từ tháng 3/2019 đến tháng 01/2020, số tiền gốc là 70.000.000 đồng, mức lãi suất 4.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày thì 1 tháng anh N phải trả 120.000 đồng/ 1 triệu, 1 năm phải trả 1.140.000 đồng/ 1 triệu. Như vậy, lãi suất cho vay là  $(1.140.000 \text{ đồng} / 1.000.000 \text{ đồng} \times 100\%) = 144\%$  của khoản vay. Mức lãi suất vượt quá mức lãi suất tối đa 20%/ năm là  $(144/ 20 = 7,2)$  lần. Từ tháng 12/2018 đến tháng 01/2020, T và C thu tổng số tiền lãi của anh N (18.000.000 đồng + 25.200.000 đồng + 50.000.000 đồng) là 93.200.000 đồng. Theo quy định, số tiền lãi tối đa mà T và C có thể thu của anh N là:  $(50.000.000 \text{ đồng} \times 20\% / 12 \text{ tháng} / 30 \text{ ngày} \times 60 \text{ ngày}) + (70.000.000 \text{ đồng} \times 20\% / 12 \text{ tháng} / 30 \text{ ngày} \times 270 \text{ ngày}) + 25.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 12 \text{ tháng} / 30 \text{ ngày} \times 58 \text{ ngày}) = 12.972.222 \text{ đồng}$ . Như vậy, số tiền T, C thu lợi bất chính là 93.200.000 đồng - 12.972.222 đồng = 80.227.778 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 24/02/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương truy tố Vũ Kim T và Bùi Văn C ra trước Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện để xét xử về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, công nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vũ Kim T, Bùi Văn C phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự; về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2

Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt T từ 13 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt C từ 12 đến 14 tháng cải tạo không giam giữ, mỗi bị cáo được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 9 ngày cải tạo không giam giữ; thời hạn tính từ ngày UBND xã nhận được bản sao bản án và Quyết định thi hành án. Giao bị cáo T cho UBND xã H, bị cáo C cho UBND xã Đ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo. Khấu trừ thu nhập của mỗi bị cáo từ 05 - 10% sung quỹ Nhà nước; hình phạt bổ sung: Phạt mỗi bị cáo từ 30 đến 33 triệu đồng.

Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 82.972.222 đồng (trong đó 70.000.000 đồng tiền gốc và 12.972.222 đồng tiền lãi tương ứng theo quy định của Bộ luật dân sự), được đối trừ 25.000.000 đồng, còn 57.972.222 đồng (mỗi bị cáo 28.986.111 đồng). Bị cáo T được trừ đi số tiền 9.200.000 đồng.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 máy tính Casio, 04 bút bi màu đen, 04 tờ giấy A4 là mẫu giấy biên nhận vay tiền, 05 tờ giấy A4 là mẫu giấy bán cho tặng xe không có giá trị sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; Điều 587; khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự. Buộc các bị cáo liên đới trả cho anh N số tiền thu lời bất chính là 80.227.778 đồng – 50.000.000 đồng = 30.227.778 đồng (mỗi bị cáo 15.113.889 đồng)

Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật TTHS, Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự và 755.000 đồng án phí dân sự.

Các bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Miện, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định bị cáo có tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 10/12/2018 đến 08/01/2020, Vũ Kim T và Bùi Văn C đã cho anh Phạm Văn N vay số tiền 70.000.000 đồng với mức lãi suất gấp từ 7,2 lần đến 10,8 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 80.227.778 đồng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý của nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, ảnh hưởng đến lợi

ích của người khác, gây mất trật tự tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi, vẫn cố ý thực hiện, nên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện thực hành quyền công tố đã luận tội đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ. Các bị cáo phạm tội với vai trò người thực hành. Bị cáo Vũ Kim T thực hành tích cực hơn, nên giữ vai trò chính; bị cáo Bùi Văn C giữ vai trò thứ hai. Hội đồng xét xử sẽ xem xét vai trò của các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo C có bố đẻ là người có công, đã tham gia kháng chiến tại vùng quân đội Mỹ sử dụng chất độc hóa học, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Đối với việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, không được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Về nhân thân: Các bị cáo đã bị xử lý hành chính nhưng không lấy đó làm bài học để rèn luyện mình mà vì lòng tham, muốn có tiền nhanh, có cơ hội các bị cáo đã phạm tội. Do vậy, cần có một hình phạt tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời phục vụ công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm.

[4] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội vì mục đích tư lợi, nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Khoản tiền lãi 80.227.778 đồng tương ứng với mức lãi suất vượt quá 20%/năm là khoản tiền các bị cáo thu lợi bất chính của anh Phạm Văn N nên được trả lại cho anh N. Anh N đã nhận được 50.000.000 đồng; các bị cáo phải liên đới hoàn trả anh N số tiền còn lại là 30.227.778 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng: Khoản tiền 70.000.000 đồng các bị cáo cho vay (tiền gốc) là phương tiện phạm tội và khoản tiền lãi 12.972.222 đồng tương ứng với mức lãi suất 20%/ năm là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, buộc các bị cáo phải giao nộp để sung quỹ nhà nước, trừ vào số tiền đã thu giữ, các bị cáo còn phải giao nộp số tiền còn lại; 01 máy tính Casio, 04 bút bi màu đen là công cụ dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng nên tịch thu cho tiêu hủy. Số tiền 34.200.000 đồng cơ quan điều tra thu giữ gồm 25.000.000 đồng của cả hai bị cáo và 9.200.000 đồng của riêng Vũ Kim T cần trừ vào số tiền các bị cáo phải giao nộp ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí: Các bị cáo bị kết án, nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Kim T, Bùi Văn C phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Căn cứ vào: Khoản 1, 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với Vũ Kim T và Bùi Văn C; thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với Bùi Văn C.

Xử phạt bị cáo Vũ Kim T 13 (mười ba) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ quy đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành 12 (mười hai) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương nhận được hồ sơ thi hành án hình phạt cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Vũ Kim T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn C 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ quy đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương nhận được hồ sơ thi hành án hình phạt cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Bùi Văn C cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 10% thu nhập hằng tháng của các bị cáo trong thời gian chấp hành án để nộp ngân sách nhà nước.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Vũ Kim T và Bùi Văn C từ ngày 17/3/2020.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Vũ Kim T, Bùi Văn C mỗi bị cáo 30.000.000 đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 288; Điều 579; Điều 580 của Bộ luật Dân sự. Buộc Vũ Kim T và Bùi Văn C phải liên đới hoàn trả anh Phạm Văn N, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương số tiền 30.227.778 đồng (mỗi bị cáo 15.113.889 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật về phân trách nhiệm dân sự, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền hoàn trả nếu các bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 82.972.222 đồng (gồm 70.000.000 đồng là phương tiện phạm tội và 12.972.222 đồng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm), được đối trừ 25.000.000 đồng đã thu giữ, các bị cáo còn phải giao nộp số tiền 57.972.222 đồng, mỗi bị cáo nộp 28.986.111 đồng; riêng bị cáo Vũ Kim T được trừ đi số tiền 9.200.000 đồng, còn phải nộp 19.786.111 đồng.

Tịch thu tiêu hủy 01 máy tính Casio, 04 bút bi màu đen.

(Vật chứng có đặc điểm ghi tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/02/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Miện và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Vũ Kim T và Bùi Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 756.000 đồng án phí dân sự.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền và nghĩa vụ trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- CQ CSĐT Công an huyện Thanh Miện;
- CQ THAHS Công an huyện Thanh Miện;
- Bộ phận HSNV Công an huyện Thanh Miện;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Đức Chính**